

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ MỸ THO
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: **06/2020/DS-ST**

Ngày 29 tháng 4 năm 2020

V/v tranh chấp “Hợp đồng vay
tài sản”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Ni.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Kiệt.
2. Bà Nguyễn Thị Hôn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Tín - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Ngày tháng năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 413/2019/TLST-DS ngày 20 tháng 8 năm 2019 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Xuân T**, sinh năm 1959;

Địa chỉ: ấp B, xã T, thành phố M, tỉnh T.

Người đại diện theo ủy quyền: Chị **Trương Thị Thanh T1**, sinh năm 1993;

Địa chỉ: đường H, phường B, thành phố M, tỉnh T.

2. Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị Thu L**, sinh năm 1973;

Địa chỉ: ấp B, xã T, thành phố M, tỉnh T.

(Có mặt chị T1, bà T và chị L)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 13/11/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Xuân T là chị Trương Thị Thanh T1 trình bày:

Ngày 30/3/2018, bà Nguyễn Thị Xuân T có cho chị Nguyễn Thị Thu L vay số tiền 10.000.000 đồng. Chị L có ký tên vào giấy mượn tiền ngày 30/3/2018 do bà T viết, thời hạn trả là một tháng, trong giấy mượn tiền không có

ghi lãi suất nhưng hai bên có thỏa thuận miệng lãi suất là 2%/tháng, hình thức trả lãi là hàng tháng. Đến nay, chị L không trả cho bà T số tiền vốn hay lãi nào. Bà T nhiều lần đòi nhưng chị L vẫn không trả. Do đó, bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị L phải trả cho bà số tiền vốn vay là 10.000.000 đồng và tiền lãi với lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày 31/3/2018 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm vụ án này. Yêu cầu trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

* Bị đơn chị Nguyễn Thị Thu L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng chị không đến Tòa án trình bày ý kiến và không có văn bản thể hiện ý kiến về yêu cầu khởi kiện của bà T.

* Tại phiên tòa, chị Trương Thị Thanh T1 trình bày: Bà T có ký tên nhận của chị L số tiền 1.000.000 đồng vào ngày 15/8/2018, nhận 1.000.000 đồng vào 22/12/2018, nhận 500.000 đồng vào 23/4/2019 và nhận 1.000.000 đồng vào 20/7/2019, tổng cộng là 3.500.000 đồng. Số tiền này là tiền chị L trả bà T đối với khoản tiền vay bằng miệng là 5.000.000 đồng chứ không phải đối với khoản tiền vay 10.000.000 đồng này. Đối với số tiền 2.500.000 đồng bà T không có nhận và đồng ý chữ ký nhận tiền là của bà. Bà T xin rút lại một phần là rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 6.000.000 đồng, chỉ yêu cầu chị L trả số tiền vốn là 4.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 31/3/2019 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm vụ án này.

* Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị Thu L trình bày: Chị thống nhất với lời trình bày của bà T về việc chị có vay của bà T số tiền là 10.000.000 đồng vào ngày 30/3/2018. Chữ ký trong giấy mượn tiền ngày 30/3/2018 là của chị. Chị và bà T thỏa thuận miệng lãi suất mỗi tháng là 15% và không thỏa thuận thời hạn trả nợ. Chị đã trả lãi cho bà T đến ngày 15/8/2018 nhưng chị không có chứng cứ gì chứng minh.

Ngày 15/8/2018, chị có trả cho bà T số tiền vốn là 1.000.000 đồng.

Ngày 22/12/2018, chị có trả cho bà T số tiền vốn là 1.000.000 đồng.

Tháng 6/2018, chị có trả cho bà T số tiền vốn là 2.500.000 đồng.

Ngày 23/4/2019, chị có trả cho bà T số tiền vốn là 500.000 đồng.

Ngày 20/7/2019, chị có trả cho bà T số tiền vốn là 1.000.000 đồng.

Các lần nhận tiền bà T đều có ký tên nhận tiền vào biên nhận.

Tổng cộng chị đã trả cho bà T tổng cộng là 6.000.000 đồng.

Nay chị đồng ý trả cho bà T số tiền vốn còn lại là 4.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 31/3/2019 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm vụ án này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi thẩm tra xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nghe lời trình bày và phát biểu tranh luận của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết*: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Xuân T khởi kiện yêu cầu chị Nguyễn Thị Thu L trả số tiền vay và tiền lãi, bị đơn bà Nguyễn Thị Thu L cư trú tại ấp B, xã T, thành phố M, tỉnh T nên đây là vụ án tranh chấp vay tài sản được quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] *Về yêu cầu của đương sự*: Xét giấy mượn tiền ngày 30/3/2018 do bà Nguyễn Thị Xuân T viết và chị Nguyễn Thị Thu L thừa nhận ký tên vay của bà Nguyễn Thị Xuân T số tiền là 10.000.000 đồng. Giấy mượn tiền được lập thành hai bản, mỗi bên giữ một bản. Giấy mượn tiền kẻ trên thẻ hiện ý chí thỏa thuận của bên cho vay tài sản và bên vay tài sản được quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015. Bà T chỉ yêu cầu chị L trả số tiền 4.000.000 đồng tiền vốn. Xét thấy yêu cầu này là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Chị L khai không thỏa thuận thời hạn trả và chị đã trả lãi từ tháng 4/2018 đến tháng 7/2018 mỗi tháng là 1.500.000 đồng nhưng chị không có chứng cứ gì chứng minh. Biên nhận thể hiện thời hạn trả là 01 tháng kể từ ngày 30/3/2018, có ghi sẽ trả lãi nhưng không có ghi cụ thể lãi suất là bao nhiêu nên đây là hợp đồng vay có kỳ hạn theo khoản 2 Điều 470 Bộ luật Dân sự 2015 và Điều 91 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Đối với yêu cầu chị L trả số tiền 6.000.000 đồng mặc dù tại đơn khởi kiện ngày 13/11/2019, bà T đã yêu cầu Tòa án giải quyết, nhưng tại phiên tòa bà đã rút lại yêu cầu này. Xét thấy việc rút yêu cầu nói trên là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà T về số tiền 6.000.000 đồng. Nếu sau này bà khởi kiện lại và thời hiệu khởi kiện vẫn còn thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[4] *Về lãi suất*: Bà T yêu cầu tính tiền lãi theo quy định của pháp luật đối với số tiền 4.000.000 đồng từ ngày 31/3/2018 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm và bà L đồng ý. Yêu cầu của bà T là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 và điểm a khoản 2 Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Bà T và chị L thống nhất các bên có thỏa thuận về việc trả lãi nhưng tranh chấp về lãi suất nên lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tiền lãi từ 31/3/2018 đến ngày 29/4/2020 là:

$24 \text{ tháng} \times 50\%[(20\%/12) \times 4.000.000 \text{ đồng}] = 800.000 \text{ đồng}.$

[5] *Về án phí*: Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về dân sự có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Bà Tươi không phải chịu án phí đối với yêu cầu đã đình chỉ xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 463, 466, 468 và khoản 2 Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 147; Điều 217; Điều 244; Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Xuân T về việc buộc bà Nguyễn Thị Thu L trả số tiền vay 6.000.000 đồng.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Xuân T.

Buộc chị Nguyễn Thị Thu L có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Xuân T số tiền vốn vay là 4.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 31/3/2018 đến ngày 29/4/2020 là 800.000 đồng. Tổng cộng là 4.800.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thu L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về dân sự có giá ngạch.

Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Xuân T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 329.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000703 ngày 05/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND TP Mỹ Tho;
- Chi cục THADS TP Mỹ Tho;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Huyền Ni

